

Bản án số: 121/2023/HS-ST
Ngày 28 – 12 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Duy Phi

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Văn Hảo.

- Ông Trần Văn Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Xeo Thái Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023. Đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Hữu L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/7/1995; Nơi sinh: huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hộ khẩu thường trú: Xóm Văn Thọ, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 10/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hữu Thanh, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Trung, sinh năm 1968; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; Con: có 01 con sinh năm 2019. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2023 đến ngày 02/10/2023. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1983. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm Văn Tân, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Trần Hữu V, sinh năm 1983. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm Long Thọ, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

3. Chị Võ Thị Kim D, sinh năm 1978. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm Văn Thọ, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

4. Anh Nguyễn Thọ H, sinh năm 1996. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm Long Thọ, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Xóm Văn Thọ, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 5 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2023, bị cáo Trần Hữu L đã thực hiện các hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với các cá nhân cụ thể như sau:

Giao dịch với chị Đặng Thị Q: Vào ngày 20/5/2023, do có nhu cầu vay tiền để trang trải sinh hoạt nên chị Q nhờ anh Nguyễn Thọ H giới thiệu địa chỉ để vay tiền thì anh H giới thiệu cho chị Q đến tiệm cầm đồ “Lợi Lan” có địa chỉ xóm Long Thọ, xã H, huyện Đ, Nghệ An gặp bị cáo Trần Hữu L (anh H biết bị cáo L có dịch vụ chuyển tiền và cho vay tiền nhưng Huỳnh không biết được bị cáo L cho vay tiền với lãi suất bao nhiêu). Khi gặp bị cáo L, chị Q nói với bị cáo L muốn vay số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) thì được bị cáo L đồng ý. Bị cáo L quy định lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất được thu theo tháng và 01 tháng được tính là 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Bị cáo L yêu cầu chị Q viết giấy vay nợ, tiếp đó bị cáo L dùng điện thoại di động Iphone 12 Promax, màu xanh tím của bị cáo L chụp ảnh lại hình ảnh của chị Q và giấy vay nợ đó. Sau khi thực hiện xong các thủ tục vay nợ, bị cáo L đưa trước cho chị Q số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Đến chiều cùng ngày 20/5/2023, bị cáo L đưa cho anh H 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo yêu cầu của chị Q. Ngày 31/5/2023, bị cáo L tiếp tục dùng tài khoản Ngân hàng Quân đội MB số 103603636 chuyển khoản số tiền còn lại cho chị Q với số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đến ngày 21/8/2023, chị Q tiếp tục đến cửa hàng của bị cáo L và nói bị cáo L tính tiền vay gốc và tiền lãi của khoản vay cho chị Q và chị Q cũng xin bị cáo L được gia hạn khoản vay đến ngày 08/9/2023. Như vậy, tính đến ngày 08/09/2023, thời hạn khoản vay này là 03(ba) tháng 15(mười lăm) ngày = 105 ngày, số tiền lãi mà chị Q phải trả cho bị cáo L là: $3.000 \text{ đồng} \times 160 \times 105 \text{ ngày} = 50.400.000 \text{ đồng}$ (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn đồng), như vậy số tiền bị cáo L nhằm thu lợi bất chính = $50.400.000 \text{ đồng} - (160.000.000 \text{đ} \times 105 \text{ ngày} \times 20\%/360 \text{ ngày}) = 41.066.666,66 \text{ đồng}$ (Bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy sáu mươi sáu đồng). Chị Q đã trả cho bị cáo L số tiền lãi cho toàn bộ khoản vay là 24.000.000 (Hai mươi tư triệu) đồng và đã trả toàn bộ số tiền vay gốc cho bị cáo L. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo L thực tế đã thu là $24.000.000 \text{ đồng} - (160.000.000 \text{ đồng} \times 105 \text{ ngày} \times 20\%/360 \text{ ngày}) = 14.666.667 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Giao dịch với anh Trần Hữu V: Trong thời gian từ 31/7/2023 đến 22/9/2023, Trần Hữu V vay tiền của bị cáo Trần Hữu L với các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 31/7/2023, do có việc để làm ăn nên anh Trần Hữu V gọi điện cho bị cáo L để hỏi vay số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Bị cáo L và anh V thống nhất lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép

của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,4 lần. Sau khi thống nhất lãi suất vay xong, bị cáo L sử dụng tài khoản Ngân hàng quân đội MB số 103603636 chuyển vào tài khoản ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn số 3603205103852 của Việt số tiền trên. Tính đến ngày 03/8/2023 thời hạn khoản vay là 04 ngày, anh V phải trả số tiền lãi là $3000 \text{ đồng} \times 130 \times 4 \text{ ngày} = 1.560.000 \text{ đồng}$ (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính = $1.560.000 \text{ đồng} - (130.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ ngày}) \times 20\%/360 \text{ ngày} = 1.271.111,1 \text{ đồng}$ (Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn một trăm mười một phẩy một đồng).

Lần thứ hai: Ngày 04/8/2023, anh V tiếp tục vay của bị cáo L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bị cáo L đồng ý và cộng vào khoản vay lần 1 thành số tiền vay là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Bị cáo L quy định lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30 ngày và hình thức đưa tiền là chuyển khoản như lần vay thứ nhất. Đến ngày 12/08/2023, bị cáo L tính lãi suất của khoản vay trong 9 ngày tương ứng với số tiền lãi mà anh V phải trả cho bị cáo L là: $3000 \text{ đồng} \times 140 \times 9 = 3.780.000 \text{ đồng}$ (ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $3.780.000 \text{ đồng} - (140.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ ngày} \times 20\%/360 \text{ ngày}) = 3.080.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Lần thứ ba: Ngày 13/8/2023, anh V tiếp tục vay của bị cáo L số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), bị cáo L đồng ý và cộng vào khoản vay lần 2 thành số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bị cáo L quy định lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30 ngày và hình thức đưa tiền như lần vay thứ hai. Tính đến ngày 17/08/2023, bị cáo L tính lãi suất của khoản vay trong 5 ngày tương ứng với số tiền lãi mà anh V phải trả cho bị cáo L là: $3000 \text{ đồng} \times 200 \times 5 \text{ ngày} = 3.000.000 \text{ đồng}$ (ba triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $3.000.000 \text{ đồng} - (200.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ ngày} \times 20\%/360 \text{ ngày}) = 2.444.444,4 \text{ đồng}$ (Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn phẩy bốn đồng).

Lần thứ tư: Ngày 18/8/2023, anh V tiếp tục vay của bị cáo L số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bị cáo L đồng ý và cộng vào khoản vay lần 3 thành số tiền vay 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Bị cáo L quy định lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30 ngày và hình thức đưa tiền như lần vay thứ ba. Tính đến ngày 04/09/2023, bị cáo L tính lãi suất của khoản vay trong 17 ngày tương ứng với số tiền lãi mà anh V phải trả cho bị cáo L là: $3000 \text{ đồng} \times 230 \times 17 \text{ ngày} = 11.730.000 \text{ đồng}$ (Mười một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $11.730.000 \text{ đồng} - (230.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ ngày} \times 20\%/360 \text{ ngày}) = 9.557.777,77 \text{ đồng}$ (Chín triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy phẩy bảy bảy đồng).

Lần thứ 5: Ngày 05/09/2023, anh V tiếp tục vay của bị cáo L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Bị cáo L đồng ý và cộng vào khoản vay lần 4 thành số tiền vay 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Bị cáo L quy định lãi suất vay là 3000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30 ngày và hình thức đưa tiền như lần vay

thứ tư. Tính đến ngày 22/9/2023, bị cáo L tính lãi suất của khoản vay trong 18 ngày ngày tương ứng với số tiền lãi mà anh V phải trả cho bị cáo L là: $3000 \text{ đồng} \times 280 \times 18 \text{ ngày} = 15.120.000 \text{ đồng}$ (Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $15.120.000 \text{ đồng} - (280.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ ngày} \times 20\%/360 \text{ ngày}) = 12.320.000 \text{ đồng}$ (Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)

Ngày 22/9/2023, Lợi gọi điện cho anh V để tổng hợp tiền lãi và tiền vay gốc. Lợi tính tiền lãi theo từng lần vay, tổng hợp tiền lãi và tiền vay gốc, viết vào tờ giấy sau đó chụp ảnh gửi cho anh V gồm: Số tiền vay gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Số tiền lãi phải trả là 35.190.000 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng số tiền cả tiền gốc và tiền lãi anh V phải trả cho Lợi tính đến ngày 22/9/2023 là: $280.000.000 \text{ đồng} + 35.190.000 \text{ đồng} = 315.190.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm mười lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Trần Hữu L yêu cầu anh V trả hết số tiền trên và không tính lãi của khoản tiền từ ngày 22/9/2023 trở về sau.

Tổng số tiền bị cáo Trần Hữu L nhằm thu lợi bất chính của anh Trần Hữu V là: $1.271.111,1 \text{ đồng} + 3.080.000 \text{ đồng} + 2.444.444,44 \text{ đồng} + 9.557.777,77 \text{ đồng} + 12.320.000 \text{ đồng} = 28.673.333,3 \text{ đồng}$ (Hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba phẩy ba đồng). Nhưng trên thực tế anh V chưa trả gốc và lãi cho bị cáo.

Giao dịch với chị Võ Thị Kim D: Vào ngày 24/7/2023, do có việc để làm ăn nên chị Võ Thị Kim D gọi điện cho bị cáo L để hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo L đồng ý cho chị D vay tiền và quy định lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30 ngày. Sau khi thống nhất lãi suất vay xong, chị D đến gặp bị cáo L để lấy số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 05/8/2023, chị D trả cho bị cáo L 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc và số tiền vay gốc chị D còn nợ bị cáo L là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng) và chị D cũng trả tiền lãi của khoản vay 150.000.000 đồng từ ngày 24/7/2023 đến ngày 04/8/2023 trong 12 ngày là: $3000 \text{ đồng} \times 150 \text{ ngày} \times 12 = 5.400.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo L thu lợi bất chính của chị D là: $5.400.000 \text{ đồng} - (150.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} \times 20\%/360) = 4.400.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Đến ngày 01/9/2023, chị D trả hết tiền gốc 105.000.000 đồng và số tiền lãi của khoản vay cho bị cáo L trong 28 ngày là: $105 \times 3000 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} = 8.820.000 \text{ đ}$ (Tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo L thu lợi bất chính của chị D là: $8.820.000 \text{ đồng} - (105.000.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} \times 20\%/360) = 7.186.666,67 \text{ đồng}$ (Bảy triệu một trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy sáu đồng). Hiện tại chị D đã trả hết tiền vay gốc và tiền lãi cho bị cáo L. Tổng số tiền bị cáo Trần Hữu L thu lợi bất chính của chị Võ Thị Kim D là: $4.400.000 \text{ đồng} + 7.186.666,67 \text{ đồng} = 11.586.666,7 \text{ đồng}$ (Mười một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy bảy đồng).

Như vậy, từ ngày 20/5/2023 đến ngày 22/9/2023, Trần Hữu L đã cho 3 cá nhân gồm Đặng Thị Q, Võ Thị Kim D và Trần Hữu V vay tổng số tiền

590.000.000đ (Năm trăm chín mươi triệu đồng), với lãi suất 3000đ/ 1.000.000 đồng/01 ngày tức 108%/ năm Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,4 lần. Từ hành vi phạm tội, bị cáo L đã thu số tiền lãi là: 99.810.000 đồng (Chín mươi chín triệu tám trăm mười nghìn đồng), trong đó thu lợi bất chính số tiền: 81.326.666,66 đồng (Tám mươi một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy sáu mươi sáu đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Q trình bày: Vào ngày 20/5/2023, chị Q nhờ anh Nguyễn Thọ H giới thiệu địa chỉ để vay tiền thì anh H giới thiệu cho chị Q đến tiệm cầm đồ “Lợi Lan” có địa chỉ xóm Long Thọ, xã H, huyện Đ, Nghệ An gặp bị cáo Trần Hữu L. Khi gặp bị cáo L, chị Q nói với bị cáo L muốn vay số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) thì được bị cáo L đồng ý và hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Lãi suất được thu theo tháng và 01 tháng được tính là 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Bị cáo L yêu cầu chị Q viết giấy vay nợ, tiếp đó bị cáo L dùng điện thoại di động Iphone 12 Promax, màu xanh tím của Lợi chụp ảnh lại hình ảnh của chị Q và giấy vay nợ đó. Sau khi thực hiện xong các thủ tục vay nợ, bị cáo L đưa trước cho chị Q số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), anh H nhận giúp chị Q số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) từ bị cáo. Đến ngày 31/5/2023, bị cáo L chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) cho chị Q. Ngày 21/8/2023, chị Q và bị cáo L tính toán số tiền vay gốc và tiền lãi của khoản vay và gia hạn khoản vay đến ngày 08/9/2023. Chị Q đã trả cho bị cáo L số tiền lãi cho toàn bộ khoản vay là 24.000.000 (Hai mươi tư triệu) đồng và đã trả toàn bộ số tiền vay gốc cho bị cáo L. Nay chị Q không yêu cầu bị cáo L trả cho chị Q số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính (Tiền lãi suất vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Hữu V trình bày: Trong thời gian từ 31/7/2023 đến 22/9/2023, Trần Hữu V vay tiền của bị cáo Trần Hữu L 05 lần với tổng số tiền là 280.000.000 đồng, với lãi suất là 3000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Ngày 22/9/2023, bị cáo L gọi điện cho anh V để tổng hợp tiền lãi và tiền vay gốc. Bị cáo L tính tiền lãi theo từng lần vay, tổng hợp tiền lãi và tiền vay gốc, viết vào tờ giấy sau đó chụp ảnh gửi cho anh V gồm: Số tiền vay gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Số tiền lãi phải trả là 35.190.000 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng số tiền cả tiền gốc và tiền lãi anh V phải trả cho Lợi tính đến ngày 22/9/2023 là: 280.000.000 đồng + 35.190.000 đồng = 315.190.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Trần Hữu L yêu cầu anh V trả hết số tiền trên và không tính lãi của khoản tiền từ ngày 22/9/2023 trở về sau. Nhưng trên thực tế anh V chưa trả gốc và lãi cho bị cáo. Anh V không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Kim D: Do có nhu cầu công việc nên ngày 24/7/2023, chị D gọi điện cho bị cáo L để hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bị cáo L đã đồng ý cho chị D vay số tiền 150.000.000 đồng và đã thỏa thuận lãi suất vay là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, lãi suất tính theo ngày và quy định 1 tháng là 30

ngày. Sau khi thống nhất chị D đến gặp bị cáo L để lấy số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 05/8/2023, chị D trả cho bị cáo L 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc nên còn nợ bị cáo L 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng). Về lãi suất chị D đã trả tiền lãi của khoản vay 150.000.000 đồng từ ngày 24/7/2023 đến ngày 04/8/2023 trong 12 ngày với số tiền 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Đến ngày 01/9/2023, chị D trả hết tiền gốc 105.000.000 đồng và số tiền lãi của khoản vay cho bị cáo L trong 28 ngày là 8.820.000đ (Tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Nay chị D không yêu cầu bị cáo L trả cho chị D số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính (Tiền lãi suất vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thọ H trình bày: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Q trình bày: Vào ngày 20/5/2023, chị Q nhờ anh H giới thiệu địa chỉ để vay tiền nên anh H giới thiệu cho chị Q đến tiệm cầm đồ “Lợi Lan” có địa chỉ xóm Long Thọ, xã H, huyện Đ, Nghệ An gặp bị cáo Trần Hữu L để vay tiền. Việc vay tiền giữa bị cáo L và chị Q anh H không biết cụ thể về số tiền vay, lãi suất vay. Đến chiều cùng ngày chị Q nhờ anh H nhận giúp chị Q số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) từ bị cáo L và anh H đã giao đủ số tiền 60.000.000 đồng này cho chị Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L là vợ của bị cáo L. Quá trình bị cáo L thực hiện giao dịch cho người khác vay tiền chị L có biết nhưng chị L không biết là bị cáo cho vay với mức lãi suất bao nhiêu. Số tiền bị cáo L thu được không phục vụ gì cho sinh hoạt gia đình. Đối với số tiền bị cáo L cho người khác vay là tài sản chung vợ chồng nhưng bị cáo đã sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên chị L không yêu cầu nhận lại.

Cáo trạng số 120/CT-VKS-HS ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Trần Hữu L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201 điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Áp dụng ; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Hữu L từ 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng đến 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về vật chứng: Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh tím; số máy MGDA3TA/A; Số imei 358598938603157; imei2: 358598938253102. Trên điện thoại có gắn sim số: 0971.783.234, trên sim có dãy số 8984048000918764230 và gắn 1 esim số 0961810345, đã qua sử dụng thu giữ trên người của bị cáo Trần Hữu L. Truy thu sung công quỹ nhà nước từ bị cáo Trần Hữu L tổng số tiền là 328.483.334 đồng, gồm: 150.000.000 đồng mà bị cáo

sử dụng cho chị D vay và chị D đã trả lại cho bị cáo; số tiền: 160.000.000 đồng mà bị cáo cho chị Q vay và chị Q đã trả cho bị cáo; số tiền 9.333.333 đồng mà bị cáo L đã thu của chị Q tương ứng mức lãi suất 20%; số tiền 2.633.334 đồng mà bị cáo đã thu của chị D tương ứng mức lãi suất 20%. Truy Thu sung công quỹ nhà nước số tiền 280.000.000 đồng từ anh Trần Hữu V (đây là số tiền bị cáo cho anh V vay nhưng anh V chưa trả cho bị cáo). Đối với 01(một) mảnh giấy ghi khoản vay nợ của chị Võ Thị Kim D thu giữ tại ngăn tủ bàn làm việc của bị cáo Trần Hữu L là vật chứng vụ án cần được bảo quản kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Hữu V, chị Võ Thị Kim D, chị Đặng Thị Q không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thọ H không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố là đúng nên không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu L thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các chứng cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 5 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2023, Trần Hữu L đã thông qua các giao dịch dân sự cho 03 cá nhân gồm chị Đặng Thị Q, chị Võ Thị Kim D và anh Trần Hữu V vay tổng số tiền 590.000.000 (Năm trăm chín mươi triệu) đồng, với lãi suất 108%/ năm vượt quá 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và đã thu số tiền lãi là: 99.810.000 đồng (Chín mươi chín triệu tám trăm mười nghìn đồng), trong đó thu lợi bất chính số tiền: 81.326.666,66 đồng (Tám mươi một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy sáu mươi sáu đồng). Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Hữu L đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201

Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi mà bị cáo thực hiện thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn. Gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội; động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là để có tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc tội ít nghiêm trọng và đây là lần đầu tiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội phạm này ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh tím; số máy MGDA3TA/A; Số imei 358598938603157; imei2: 358598938253102. Trên điện thoại có gắn sim số: 0971.783.234, trên sim có dãy số 8984048000918764230 và gắn 1 esim số 0961810345, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trần Hữu L là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền bị cáo sử dụng để cho chị Võ Thị Kim D là 150.000.000 đồng nay chị D đã trả cho bị cáo; số tiền bị cáo cho chị Đặng Thị Q vay là 160.000.000 đồng nay chị Q đã trả cho bị cáo là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu từ bị cáo để sung công quỹ Nhà nước; Đối với số tiền 280.000.000 đồng bị cáo L cho anh Trần Hữu V vay nhưng anh V chưa trả cho bị cáo là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu từ anh V để sung công quỹ nhà nước. Đối số tiền 9.333.333 đồng mà bị cáo đã thu của chị Q tương ứng mức lãi suất 20%; số tiền 2.633.334 đồng mà bị cáo đã thu của chị D tương ứng mức lãi suất 20% cần truy thu từ bị cáo để sung công quỹ nhà nước; Đối với 01(một) mảnh giấy ghi khoản vay nợ của chị Võ Thị Kim D thu giữ tại ngăn tủ bàn làm việc của bị cáo Trần Hữu L là vật chứng vụ án cần được bảo quản kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền lãi suất vượt quá hạn cho phép (Tiền thu lợi bất chính) mà bị cáo đã thu của anh V, chị Q, chị D nhưng tại phiên tòa chị Dung, anh V, chị Q không yêu cầu trả lại nên HĐXX không xem xét.

[6]. Đối với hành vi của anh Nguyễn Thọ H: Anh Nguyễn Thọ H là người giới thiệu cho chị Đặng Thị Q đến vay tiền của bị cáo L và có nhận giúp chị Q số tiền 60.000.000 đồng từ bị cáo L. Tuy nhiên, anh H không biết bị cáo cho chị Q vay với lãi suất bao nhiêu; Đối với chị Nguyễn Thị L là vợ của bị cáo L: Chị L có biết việc bị cáo cho anh V, chị Q, chị D và những người khác vay tiền nhưng chị L không biết bị cáo cho vay với lãi suất bao nhiêu nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương không xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của anh H, chị L là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết toàn diện vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu L 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Hữu L.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên xử:

Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh tím; số máy MGDA3TA/A; Số imei 358598938603157; imei2: 358598938253102. Trên điện thoại có gắn sim số: 0971.783.234, trên sim có dãy số 8984048000918764230 và gắn 1 esim số 0961810345, đã qua sử dụng thu giữ trên người của Trần Hữu L (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2023, giữa Công an huyện Đô Lương với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương).

Truy thu sung công quỹ nhà nước từ bị cáo Trần Hữu L tổng số tiền là 328.483.334 đồng, gồm: 150.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho chị D vay và chị D đã trả lại cho bị cáo; số tiền: 160.000.000 đồng mà bị cáo cho chị Q vay và chị Q đã trả cho bị cáo; số tiền 9.333.333 đồng mà bị cáo L đã thu của chị Q tương ứng mức lãi suất 20%; số tiền 2.633.334 đồng mà bị cáo đã thu của chị D tương ứng mức lãi suất 20%. Truy Thu sung công quỹ nhà nước số tiền 280.000.000 đồng từ anh Trần Hữu V (đây là số tiền bị cáo cho anh V vay nhưng anh V chưa trả cho bị cáo).

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Hữu V, chị Võ Thị Kim D, chị Đặng Thị Q không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính nên HĐXX không xem xét.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Hữu L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Đô Lương;
- Cơ quan THAHS-Công an huyện Đô Lương;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Duy Phi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nhân Trần Thị Minh Hoi

Đặng Duy Phi